MỨC ĂN THÍCH HỢP TRONG GIAI ĐOẠN HẬU BỊ NUÔI GÀ LẠC SƠN SINH SẢN

Ngô Thị Kim Cúc[1], Nguyễn Văn Trung[1], Hoàng Lương[2] và Phạm Công Thiếu[1]

[1]Viện Chăn nuôi, [2]Trung tâm giống vật nuôi Quảng Bình

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Kim Cúc. Tel: 0438. 385292; Email: cucngokim@yahoo.com

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu là xác định mức ăn thích hợp trong giai đoạn hậu bị nuôi gà Lạc Sơn sinh sản. Gà được bố trí thí nghiệm theo phương pháp phân lô ngẫu nhiên hoàn toàn 1 nhân tố. Giai đoạn 01 ngày tuổi- 8 tuần tuổi gà ở các lô được nuôi với quy trình chăm sóc nuôi dưỡng và thú y phòng bệnh giống nhau. Gà đưa vào theo dõi thí nghiệm từ lúc 9 tuần tuổi đến khi vào đẻ. Lô 1 gà ăn theo định lượng thức ăn nuôi gà Ri. Lô 2 gà ăn theo định lượng bằng 110% thức ăn nuôi gà Ri. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: tỷ lệ đẻ đạt đỉnh cao của các lô đều ở giai đoạn 29- 30 tuần tuổi lần lượt là 53,33% ở lô 1 và 54,74% ở lô 2. Tỷ lệ đẻ trung bình của lô 1 và lô 2 lần lượt là 31,97% và 32,06% với năng suất trứng/mái/72 tuần tuổi lần lượt là 116,44 và 116,87 quả. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng là 3,70 kg ở lô 1 và 3,72 kg ở lô 2. Theo tính toán sơ bộ thì gà được áp dụng mức ăn giai đoạn hậu bị theo lô 1 cho hiệu quả kinh tế cao hơn lô 2. Như vậy mức ăn thích hợp trong giai đoạn hậu bị nuôi gà Lạc Sơn sinh sản là mức ăn theo định lượng thức ăn nuôi gà Ri.

Từ khóa: *gà Lạc Sơn, năng suất gà Lạc Sơn, mức ăn của gà*.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giống gà Lạc Sơn là giống gà bản địa có nguồn gốc từ huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Giống gà này có nhiều đặc điểm quý như: khả năng chống chịu bệnh tật cao, khả năng sử dụng thức ăn nghèo dinh dưỡng tốt (chịu kham khổ), thịt thơm ngon, thích nghi với điều kiện môi trường sinh thái,khí hậu, tập quán canh tác địa phương, khả năng đề kháng bệnh tật cao mặc dù giống này năng suất còn thấp, nhưng chúng được thị trường miền Trung rất ưa chuộng.

Gà Lạc Sơn lúc 01 ngày tuổi có lông đồng nhất màu trắng ngà, chân mỏ vàng. Lúc 20 tuần tuổi gà trống có lông màu vàng xẫm, đỏ tía. Chân vàng và da vàng. Con mái chủ yếu có lông nâu nhạt, màu vàng và màu xám. Chân vàng và da vàng. Khối lượng lúc 8 tuần tuổi gà trống đạt 615,4-633,2 g/con, gà mái: 492,1-500,2g/con. Đến 20 tuần tuổi khối lượng con mái là 1.304,2-1.402,2 g. năng suất trứng đạt 115 quả (Phạm Công Thiếu, 2016; Mai Văn Minh, 2017). Trên thực tế các hộ dân nuôi giữ giống này có trình độ kỹ thuật hạn chế và chưa có quy trình chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp. Do vậy ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của người chăn nuôi. Muốn đạt được năng suất tối đa và giảm được giá thành sản phẩm thì việc nghiên cứu xác định mức ăn hạn chế của gà sinh sản để khai thác có hiệu quả năng suất sinh sản của giống gà này là cần thiết. Mục tiêu nghiên cứu để xác định được mức ăn thích hợp trong giai đoạn hậu bị nuôi gà Lạc Sơn sinh sản.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Đàn gà Lạc Sơn nuôi sinh sản từ 1 ngày tuổi đến 1 năm đẻ.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Thí nghiệm được triển khai tại Trung tâm giống vật nuôi Quảng Bình

Thời gian: Năm 2018 - 2019

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá khả năng sản xuất của gà Lạc Sơn ở 02 định mức cho ăn khác nhau trong khẩu phần ăn.

Đánh giá hiệu quả kinh tế của gà Lạc Sơn ở 02 định mức cho ăn khác nhau trong khẩu phần ăn.

Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp thường quy trong chăn nuôi gia cầm. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ngẫu nhiên hoàn toàn một nhân tố. Gà Lạc Sơn thí nghiệm được chia làm 2 lô, mỗi lô 50 con 01 ngày tuổi và được lặp lại 3 lần. Từ 1 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi được nuôi với quy trình chăm sóc nuôi dưỡng và thú y phòng bệnh giống nhau, từ 9 đến vào đẻ gà lô 2 ăn theo định lượng bằng 110% thức ăn nuôi gà Ri và lô 1 ăn theo định lượng thức ăn nuôi gà Ri (quy trình chăn nuôi gà Ri đã được công nhận tiến bộ kỹ thuật).

Bố trí thí nghiệm

Gà thí nghiệm được nuôi cùng một chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh ở giai đoạn gà con. Tiêu chuẩn thức ăn cho gà Lạc Sơn như sau:

Thành phần dinh dưỡng của thức ăn cho gà Lạc Sơn sinh sản (theo thành phần dinh dưỡng thức ăn nuôi gà Ri sinh sản)

Giai đoạn / Chỉ tiêu	Gà con	Hậu bị	Gà đẻ
ME (Kcal/kg)	2.950	2.660	2.750
Protein (%)	18	14 - 14,5	15 - 16
Canxi (%)	0,95 - 1,0	0,95 - 1,0	3,5
Photpho (%)	0,75	0,70	0,75

Sơ đồ bố trí thí nghiệm gà mái Lạc Sơn (9-20 tuần tuổi)

Diễn giải	Lô 1	Lô 2
Mức ăn hạn chế trong giai đoạn gà dò và hậu bị	Ăn theo định lượng thức ăn nuôi gà Ri (quy trình tiến bộ kỹ thuật của gà Ri)	Gà Lạc Sơn ăn theo định lượng bằng 110% thức ăn nuôi gà Ri
Số lượng gà mái/lần	50	50
Số lần lặp lại	3	3
Tổng	150	150

Các chỉ tiêu theo dõi: Tỷ lệ nuôi sống, khối lượng cơ thể qua các giai đoạn tuổi, tỷ lệ đẻ, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng, năng suất trứng, kết quả ấp nở và hiệu quả kinh tế.

Phương pháp theo dõi các chỉ tiêu:

Tỷ lệ nuôi sống: Ghi chép tổng số con đầu tuần và tổng số con cuối tuần lúc 8, 14 và 20 tuần tuổi.

Khối lượng cơ thể ở các lúc 8, 14 và 20 tuần tuổi: Tiến hành cân các cá thể ở các tuần tuổi vào sáng sớm trước khi cho gà ăn.

Năng suất trứng, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng, tỷ lệ phôi và ấp nở: Ghi chép số lượng trứng đẻ ra hàng ngày đến 1 năm đẻ. Thức ăn cho gà đẻ được cân vào đầu giờ sáng và thức ăn dư

thừa được cân vào cuối mỗi ngày. Trứng đưa vào ấp được theo dõi về tỷ lệ phôi và tổng số gà nở ra.

Xử lý số liệu

Các số liệu được thu thập, theo dõi và xử lý theo phương pháp thống kê sinh học.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Khả năng sản xuất của gà Lạc Sơn

Tỷ lệ nuôi sống của gà Lạc Sơn qua các giai đoạn

Kết quả theo dõi tỷ lệ nuôi sống của gà Lạc Sơn theo các giai đoạn tuổi (từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi) được thể hiện tại Bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ nuôi sống, tiêu tốn thức ăn của gà Lạc Sơn qua các giai đoạn tuổi

Chỉ tiêu	Gà Lạc Sơn	
Giai đoạn 01 ngày tuổi -8 tuần tuổi		
Đầu kỳ (con)	1440	
Cuối kỳ (con)	1356	
TLNS (%)	94,17	
Giai đoạn 9-20 tt	Lô 1	Lô 2
Đầu kỳ (con)	150	150
Cuối kỳ (con)	145	146
TLNS (%)	96,67	97,33
Tiêu tốn thức ăn	5320,00	5852,00

Ghi chú: TLNS – tỷ lệ nuôi sống; tt- tuần tuổi

Qua Bảng 1 chúng ta thấy, giai đoạn 01 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi gà Lạc Sơn được nuôi cùng một chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh. Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con là 94,17%. Kết thúc giai đoạn gà con gà được bố trí ngẫu nhiên vào 2 lô với 2 mức ăn khác nhau. Giai đoạn 9-20 tuần tuổi tỷ lệ nuôi sống lô 1 là 96,67%, lô 2 là 97,33%.

Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2014) chỉ ra rằng giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi gà Ri hoa mơ có tỷ lệ nuôi sống đạt 88,8% - 92,00%; giai đoạn từ 9 đến 20 tuần tuổi đạt 95,33 - 97,23%. Hồ Xuân Tùng và cs. (2009) trên gà Hồ, gà Mía và gà Móng cho biết ở giai đoạn gà con 01 ngày tuổi đến 8 tuần tuổi có tỷ lệ nuôi sống lần lượt là 88,40 - 88,80 -88,70%, giai đoạn gà hậu bị (9-20 tuần tuổi) đạt 85,20 – 87,80% đối với con trống và 88,20-86,60% đối với con mái và nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc (2016) trên gà Móng có tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con là 87,71-89,38%, giai đoạn gà dò, hậu bị là 92,31 – 93,85% đối với con trống và 91,06 - 91,91% đối với con mái. Kết quả nghiên cứu tương đương với tỷ lệ nuôi sống giai đoạn 7-20 tuần tuổi gà Kiến 96,00 – 97,33% đối với gà trống và 96,50 – 97,25% đối với gà mái (Nguyễn Thị Mười và cs., 2021).

Khối lượng cơ thể gà mái Lạc Sơn qua các tuần tuổi

Khối lượng gà qua các tuần tuổi thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Khối lượng cơ thể gà mái qua các tuần tuổi (g)

(n=90)

Tuần tuổi	Lô 1		Lô 2	
	Mean	***SD***	***Mean***	***SD***
8	558,78	35,01	558,11	35,91
14	867,33	70,45	879,33	66,32
20	1350,11	91,16	1363,11	70,45

Kết quả Bảng 2 cho thấy, khối lượng gà lúc bắt đầu thí nghiệm (08 tuần tuổi) của các lô không có sự sai khác (P>0,05). Kết thúc 20 tuần tuổi gà lô 1 có khối lượng là 1350,11g, gà lô 2 có khối lượng là 1363,11 g. Kết quả này cho thấy lô 2 là lô cho khối lượng cao hơn nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê (P>0,05).

Hồ Xuân Tùng và cs. (2009) đã chỉ ra rằng khối lượng gà Ri lúc 8 tuần tuổi con trống đạt 628,3 - 648,0g, con mái đạt 547,1 - 559,3g. Lúc 20 tuần tuổi con trống đạt 1831,80g và con mái đạt 1534,70g. Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2014) cho thấy khối lượng của gà Ri trống lúc 8 tuần tuổi có khối lượng là 668,04g - 690,44g. Đến 20 tuần tuổi là 1676,30g - 1705,00g. Gà mái Ri hoa mơ lúc 8 tuần tuổi có khối lượng 627,15g - 663,35g. Đến 20 tuần tuổi gà mái có khối lượng là 1409,54g -1444,60g.

Theo Vũ Công Quý và cs. (2017) khối lượng cơ thể của gà Liên Minh đạt: 1919,57 g – 2,001,68 g đối với con trống và 1680,33 g – 1727,31g đối với con mái. Nguyễn Thị Mười và cs. (2021) cho thấy khối lượng 20 tuần tuổi gà trống Kiến là 1556,83g-1631,67g, gà mái là 1298,50g -1383,45g. Gà trống Lạc Thủy có khối lượng là 1942,45g - 1999,75g, gà mái Lạc Thủy là 1495,00g - 1545,60g.

Tuổi đẻ của gà Lạc Sơn

Qua Bảng 3 cho thấy 2 lô có tuổi đẻ lúc 5% là lúc 22 tuần tuổi. Tuổi đẻ đỉnh cao là 29 tuần.

Kết quả nghiên cứu này cho thấy gà Lạc Sơn có tuổi đẻ lúc 5% là sớm hơn trong nghiên cứu của Nguyễn Khắc Khánh (2015), nhưng cao so với các giống gà khác như gà Lạc Thủy, gà Kiến (Nguyễn Thị Mười và cs., 2021), gà Mía, gà Móng (Ngô Thị Kim Cúc, 2016), Gà H'mong thế hệ xuất (Phạm Công Thiếu và cs., 2004) và gà Ri (Nguyễn Huy Đạt và cs., 2005), nhưng thấp hơn gà Đông Tảo và gà Chọi (Lê Thị Thu Hiền và cs., 2015).

Bảng 3. Tuổi đẻ của gà Lạc Sơn (n=3)

Chỉ tiêu	Lô 1	Lô 2
Tuổi đẻ khi tỷ lệ đẻ đạt 5% (tuần)	22	22
Tuổi đẻ đỉnh cao (tuần)	29	29

Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng

Theo dõi tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của đàn gà sinh sản kết quả thu được trong Bảng 4.

Kết quả theo dõi cho thấy, tỷ lệ đẻ đạt đỉnh cao của các lô thí nghiệm đều ở giai đoạn 29- 30

tuần tuổi là 53,33% ở lô 1 và 54,74% ở lô 2, Tỷ lệ đẻ trung bình của lô 1 và lô 2 lần lượt là 31,97% và 31,72% với năng suất trứng lần lượt là 116,44 và 115,63 quả.

Bảng 4. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và TTTĂ/10 trứng

(n=3)

Giai đoạn (tuần tuổi)	Lô 1			Lô 2		
	TLĐ (%)	*Tr/mái (quả)*	*TTTĂ/ 10 trứng (kg)*	*TLĐ (%)*	*Tr/mái (quả)*	*TTTĂ/ 10 trứng (kg)*
21-22	5,19	0,73	21,07	4,38	0,61	24,88
23 - 24	23,70	3,32	4,82	21,17	2,96	5,38
25 – 26	40,00	5,60	2,98	40,15	5,62	2,96
27 – 28	46,67	6,53	2,56	48,18	6,74	2,47
29 – 30	53,33	7,47	2,26	54,74	7,66	2,20
31 – 32	51,11	7,16	2,36	51,82	7,26	2,32
33 – 34	46,67	6,53	2,59	48,18	6,74	2,50
35 – 36	46,67	6,53	2,59	45,59	6,38	2,65
37 – 38	38,52	5,39	3,13	41,18	5,76	2,93
39 – 40	37,31	5,22	3,24	38,24	5,35	3,15
41 - 42	34,33	4,81	3,52	34,56	4,84	3,49
43 - 44	35,82	5,01	3,38	33,82	4,74	3,57
45 - 46	34,33	4,81	3,52	34,56	4,84	3,49
47 - 48	33,58	4,70	3,60	36,03	5,04	3,35
49 - 50	32,84	4,60	3,68	35,29	4,74	3,42
51 - 52	30,60	4,28	3,95	31,62	4,12	3,81
53 - 54	31,34	4,39	3,86	30,88	4,01	3,90
55 - 56	32,09	4,49	3,77	31,85	4,46	3,79
57 - 58	30,60	4,28	3,95	31,11	4,15	3,88
59 - 60	30,08	4,28	4,03	29,63	4,15	4,08
61 - 62	27,07	4,21	4,29	25,19	3,32	4,60
63 - 64	24,81	3,79	4,68	22,96	3,21	5,04
65 - 66	22,56	3,47	5,15	20,74	2,90	5,58
67 - 68	16,54	3,16	6,71	14,81	2,07	7,48
69 - 70	13,53	2,32	8,21	14,18	1,99	7,82
71 - 72	12,03	1,89	9,23	12,69	1,78	8,74
TLĐ	**31,97**			**31,72**		
NST		**116,44**			**115,63**	
TTTA/10tr			**3,70**			**3,72**

Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng là 3,70– 3,72 kg. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng ở nghiên cứu này là thấp hơn tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng của gà Kiến ở thí nghiệm các mức ăn khác nhau là 5,41 - 5,79 kg và gà Lạc Thủy là 3,97 – 4,16kg (Nguyễn Thị Mười và cs., 2021). Gà Móng qua 3 thế hệ có mức tiêu tốn từ 5,81 – 6,06kg, gà Mía 6,12 – 6,48 kg (Ngô Thị Kim Cúc, 2016).

Kết quả ấp nở

Kết quả theo dõi ấp nở của gà Lạc Sơnlúc 37 -39 tuần tuổiđược thể hiện tại Bảng 5.

Bảng 5. Tỷ lệ ấp nở của gà Lạc Sơn

(n=3/lô)

Chỉ tiêu	Lô 1	Lô 2
Số trứng chọn ấp, quả	750	750
Số trứng có phôi, quả	697	695
Tỷ lệ phôi, %	92,93	92,66
Số gà nở, con	578	576
Tỷ lệ nở/trứng có phôi, %	82,93	82,88
Tỷ lệ nở/trứng ấp, %	77,07	76,8

Kết quả ấp nở trứng gà Lạc Sơn ở các lô thí nghiệm không có sự chênh lệch nhiều về các chỉ tiêu tỷ lệ phôi và tỷ lệ nở.

Theo Ngô Thị Kim Cúc (2016) khi nghiên cứu trên đàn gà Móng hạt nhân thế hệ 4 nuôi đến 38 tuần tuổi tính trung bình có tỷ lệ phôi là 88,35%; tỷ lệ nở/trứng ấp là 71,16%, thì kết quả ấp nở của gà Lạc Sơn thí nghiệm là cao hơn.

Kết quả ấp nở của gà Chọi theo Lê Thị Thu Hiền (2016) có tỷ lệ nở/trứng ấp là 91,78% cao hơn gà Lạc Sơn. Tuy nhiên tỷ lệ phôi của gà Chọi là 85,46% thấp hơn gà Lạc Sơn thí nghiệm.

Hạch toán kinh tế nuôi gà Lạc Sơn sinh sản

Hạch toán sơ bộ hiệu quả kinh tế của các lô thí nghiệm gà Lạc Sơn sinh sản như sau:

Bảng 6. Hạch toán sơ bộ hiệu quả kinh tế của các lô thí nghiệm gà Lạc Sơn sinh sản

Diễn giải	ĐVT	Lô 1	Lô 2
Một số chỉ tiêu			
Tổng thức ăn giai đoạn 9-20 tt	kg/con	5,32	5,87
Tổng TA giai đoạn sinh sản (21-72tt)	kg/con	43,07	43,01
Phần chi cho 1 gà mái	**nghìn đồng**	**532,59**	**537,31**
Tiền thức giai đoạn dò	nghìn đồng	50,86	56,14
Tiền thức ăn giai đoạn gà đẻ	nghìn đồng	411,73	411,18
Điện nước, thuốc thú y, vacxin	nghìn đồng	22,00	22,00
Vật rẻ	nghìn đồng	8,00	8,00
Tiền con giống 8 tt	nghìn đồng	40,00	40,00
Phần thu cho 1 gà mái	**nghìn đồng**	**1470,82**	**1457,57**
Trứng/mái/72 tuần tuổi	quả	116,44	115,63
Số gà con loại 1/mái mẹ	con	89,73	88,80
Tiền bán gà con giống (15.000đ/con)	nghìn đồng	1345,95	1332,00
Bán trứng loại ấp (2.500đ/quả)	nghìn đồng	20,87	21,57
Bán gà mái thải (1,8kg x 65000đ/kg)	nghìn đồng	104,00	104,00
Chênh lệch thu chi cho 1 gà mái	**nghìn đồng**	**938,23**	**920,26**

Theo tính toán sơ bộ ở Bảng 6 nhận thấy hiệu quả kinh tế thu được lô 2 là 920,26 nghìn đồng/mái và lô 1 là 938,23 nghìn đồng. Như vậy, gà được áp dụng mức ăn giai đoạn hậu bị theo lô 1 cho hiệu quả kinh tế cao hơn lô 2. Nếu xem thu nhập lô 1 là 100% thì lô 2 đạt 98,08%.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ đẻ đạt đỉnh 29- 30 tuần tuổi là 53,33% ở lô 1 và 54,74% ở lô 2. Tỷ lệ đẻ trung bình của lô 1 và lô 2lần lượt là 31,97% và 32,06% với năng suất trứng/mái/72 tuần tuổilần lượt là 116,44 và 116,87 quả. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng là 3,70 kg ở lô 1 và 3,72 kg ở lô 2

Hiệu quả kinh tế thu được lô 2 là 920,26 nghìn đồng/mái và lô 1 là 938,23 nghìn đồng. Do vậy nên áp dụng mức ăn giai đoạn hậu bị theo lô 1 (mức ăn theo định lượng thức ăn nuôi gà Ri) cho hiệu quả kinh tế cao hơn lô 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Vũ Chí Thiện, Phạm Thị Bích Hường, Nguyễn Thị Minh Tâm, Trần Trung Thông, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Tuyển và Nguyễn Thanh Sơn. 2014. Chọn lọc dòng gà Ri hoa mơ. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi, Viện Chăn nuôi (51), 2014, tr. 1- 9.

Ngô Thị Kim Cúc. 2016. Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác, phát triển nguồn gen giống gà Mía và Móng. Bộ Khoa học và Công Nghệ.

Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng và Hồ Xuân Tùng. 2005. Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất gà Ri vàng rơm. Báo cáo khoa học Viện chăn nuôi 2005 – Phần Di truyền và chọn giống vật nuôi.

Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh. 2015. Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo. Tạp chí khoa học, Công nghệ Chăn nuôi (57), tr. 31-38.

Lê Thị Thu Hiền. 2016. Báo cáo tổng kết kết quả khoa học và công nghệ của đề tài: Khai thác, phát triển nguồn gen gà đặc sản: Đông Tảo, Chọi, Tre. Bộ Khoa học và Công Nghệ.

Nguyễn Khắc Khánh. 2015. Đặc điểm di truyền và khả năng sản xuất của gà Nhiều ngón. Luận văn thạc sĩ nông nghiệp, Học Viện Nông Nghiệp Hà Nội.

Mai Văn Minh. 2017. Báo cáo kết quả nghiên cứu lưu giữ nguồn gen giống gà Lạc Sơn trong nông hộ tại xã Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình

Nguyễn Thị Mười và cs. 2021. Khai thác và phát triển nguồn gen gà Kiến và gà Lạc Thủy. Viện Chăn nuôi.

Vũ Công Quý, Hoàng Thị Yến, Ngô Thị Hải Linh, Nguyễn Thị Năm và Trương Ngọc Anh. 2017. Chọn lọc và nhân thuần giống gà Liên Minh. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phạm Công Thiếu, Vũ Ngọc Sơn, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Viết Thái và Trần Kim Nhàn. 2004. Bước đầu chọn lọc nâng cao năng suất chất lượng gà H, Mông. Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi – Viện Chăn nuôi – Sô 18 – tháng 6, 2009.

Phạm Công Thiếu. 2016. Báo báo kết quả bảo tồn nguồn gen vật nuôi năm 2016.

Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Đồng, Vũ Chí Thiện và Nguyễn Thị Thu Hiền. 2009. Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía và Móng (Tiên Phong) tại trại thực nghiệm Liên Ninh. Báo cáo khoa học năm 2008 – Phần di truyền - Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi, 2009, tr. 286 – 295.

ABSTRACT

Suitable feeding level in the puerperium of dietfor Lac Son chicken

Three experiments were conducted to determine suitable feeding level in the puerperium on the feed rations for Lac Son chicken. Two feeding levels of Ri chicken and 110% Ri chicken for chicken from 9 weeks to 20 weeks were tested. Each experiment had been repeated three times with 50 chickens/repetition. The result showed that the highest laying rate in both experiment groups is at 29 to 30 weeks of age from 53.33% to 54.74%. The average laying rate in the feeding levels of Ri chicken and 110% Ri chicken is 31.97% and 32.06%, respectively. The egg performance of the feeding levels of Ri chicken and 110% Ri chicken obtained 116.44 and 116.87 eggs, respectively. Feed comsumption/10 eggs is 3.70 kg and 3.72 kg. The optimum level of feeding for Lac Son chicken in the puerperium may be recommended at the same feeding levels of Ri chicken.

Keywords: *Lac Son chicken, Lac Son chicken productivity, chicken feeding level.*

Ngày nhận bài: 25/11/2021

Ngày phản biện đánh giá: 06/12/2021

Ngày chấp nhận đăng: 31/12/2021

Người phản biện: TS. Lê Thị Nga